

# **Hội thảo Champa**

## **Kuala Lumpur 30-11-2005\***

Ts. Nicolas Weber  
Đại học INALCO, Paris

Hội thảo khoa học quốc tế về Champa lần thứ II tại Kuala Lumpur do Viện Nghiên Cứu Lịch Sử, Chính Trị và Chiến Lược thuộc Phân Khoa Xã hội và Nhân Văn của Đại Học Quốc Gia Mã Lai tổ chức vào ngày 30 tháng 11 năm 2005. Đại hội này tập trung 15 nhà nhà nghiên cứu của 5 quốc gia trong đó có Mã Lai, Pháp, Hoa Kỳ, Việt Nam và Kampuchia.

Hai chủ đề chính yếu của hội thảo, đó là :

- Sự liên hệ giữa Champa và thế giới Mã Lai
- Lịch sử văn hóa xã hội Champa

### **Champa và thế giới Mã Lai**

Sự liên hệ giữa Champa và thế giới Mã Lai được đem ra bàn bạc trong hội thảo là một chủ đề không có gì mới lạ. Những bài nghiên cứu này chỉ là những thành quả của các công trình khoa học đã được công bố trong các sách báo khoa học Pháp và Mã Lai từ năm 1989.

Hai nhà nghiên cứu tham gia trong chủ đề này là Nik Mohamed Nik Mohd Salleh nói về “Sự liên hệ gia đình giữa Champa và Mã Lai” và Ts. Phú Văn Hãn “Ngôn ngữ văn hóa Đa Đảo tại Việt Nam”.

Riêng về Ts. Keng Phong Phang, bà ta nghiên cứu về “Người Chăm tại hòn đảo Hải Nan, Trung Quốc”. Bài tiểu

---

\* Bài tiếng Pháp được chuyển sang tiếng Việt bởi Ban Biên Tập Champaka)

luận này mang một nội dung rất là mâu thuẫn. Viết tựa đề “Người Chăm tại hòn đảo Hải Nan, Trung Quốc”, nhưng trong nội dung của bài, bà ta cho rằng không có một dữ kiện lịch sử nào để chứng minh có dân tộc Chăm ở Hải Nan. Ngược lại, bà ta cho rằng có một cộng đồng vào khoảng 6000 người sinh sống ở hòn đảo này, theo Hồi giáo, nói một thứ tiếng rất gần gũi với ngôn ngữ dân tộc Raglai. Thế thì họ là ai ? Đó là vấn đề mà các nhà khoa học chưa có câu trả lời.

### **Văn hóa và nghệ thuật Champa**

Văn hóa và nghệ thuật Champa là chủ đề thứ hai trong hội thảo.

Về phần văn hoá, Mousa và Abd. Karim trình bày về “Truyện cổ tích Chăm : Sọ Dừa”. Bài nghiên cứu này chỉ lặp lại những gì mà nhà nghiên cứu Pháp A. Landes đã xuất bản vào năm 1887. Riêng về bài khảo luận của Gs. Abd. Rasak Salleh “Vấn đề toán học trong văn hóa Chăm” và Ts. Mohammad Alinor A Kadir “Hệ thống mã số ở vương quốc Champa” là hai chủ đề mới lạ mà các nhà nghiên cứu Champa chưa từng biết đến.

Cũng trong phần này, Võ Thị Thu Nguyệt là người duy nhất nói về “Nghệ thuật Champa ở miền nam cũ thủ đô Champa, từ thế kỷ thứ 11 đến thế kỷ thứ 15”. Tiếc rằng Võ Thị Thu Nguyệt không nói gì đến nghệ thuật Champa, mà chỉ làm bản tóm tắt tác phẩm văn hóa Champa của Gs. Trần Quốc Vượng. Nếu sự kiện đã xảy ra, vì Võ Thị Thu Nguyệt thú nhận rằng bà ta không chuyên về Champa học. Chính vì thế, một số nhà khoa học đặt vấn đề có chăng sự hiện diện của bà ta trong ngày hội thảo có một lý do khác. Có chăng bà Võ Thị Thu Nguyệt tham gia hội thảo không phải để nói về công trình khoa học, mà là để quan sát những người khoa học nói gì trong ngày hội thảo này ?

## **Lịch sử Champa**

Lịch sử Champa được xem như là chủ đề quan trọng trong ngày hội thảo này.

Lịch sử trung đại của Champa tập trung ba nhà nghiên cứu. Mở đầu cho phần này, Gs. Shaharir Md Zain trình bày về “Yếu tố tổ chức chính quyền Champa”. Tiếc rằng, bài này chỉ là phần tóm lược lại những gì đã trình bày trong tác phẩm của hai nhà nghiên cứu Pháp G. Maspero và G. Coedes. Ngược lại, công trình của Ts. Nicolas Weber về “Vai trò quân đội Champa trong lịch sử Đông Nam Á” và Mohamad Zain Mousa đặt lại “Vấn đề định cư người Chăm Kampuchia sau cuộc vùng dậy của họ vào năm 1853” là hai bài nghiên cứu có phần mới lạ và chứa đựng nhiều dữ kiện lịch sử rất là thuyết phục.

- **Tình hình người Chăm ở Kampuchia**

Lịch sử cận đại Champa là phần sôi động nhất của ngày hội thảo.

Trong bài tiểu luận với chủ đề “Vấn đề giáo dục người Chăm tại Kampuchia”, Gs. Jamil Osman nhận định rằng dân tộc Chăm tại vương quốc này đang gặp phải một tệ nạn xã hội rất là trầm trọng, đó là nạn mù chữ. Vấn đề này không phải vì thiếu trường học, nhưng phát sinh từ người Chăm quá nghèo đói, không tìm ra công ăn việc làm để nuôi con đi học.

Hết nạn nghèo đói và mù chữ, người Chăm Kampuchia đang lâm vào khủng hoảng về ý thức hệ dân tộc mà Ts. Michel Tranet (cựu Thứ Trưởng ở Kampuchia) đã đặt lại vấn đề trong bài tiểu luận “Dân tộc Chăm tại Kampuchia : nên xây dựng lại một dĩ vãng đã suy tàn”. Theo Ts. Michel Tranet, người Chăm Kampuchia hôm nay chỉ nhận diện mình là người Hồi giáo. Mọi yếu tố tinh thần và văn hóa của họ hoàn toàn dựa vào chủ thuyết Hồi giáo. Chính vì thế,

họ không cần biết đến nguồn gốc lịch sử và văn hóa Champa của họ nữa. Nếu không có một giải pháp để đưa họ tiếp thu lại ý thức hệ dân tộc, thì người Chăm Kampuchia sẽ thành một dân tộc vừa vong quốc và vong thân trong thế kỷ thứ 21 này.

Tiếp theo Ts. Michel Tranet, Gs. Ros Chantrabot đặt lại vấn đề “Vai trò chính trị và kinh tế của người Chăm tại Kampuchia”. Theo Gs. Ros Chantrabot, người Chăm ở Kampuchia là một cộng đồng lớn lao và giữ một vai trò quan trọng trên bàn cờ chính trị ở vương quốc này. Chính vì thế, mọi đảng phái chính trị đều bám vào lá phiếu của họ. Dựa vào sức mạnh của lá phiếu này, người Chăm tìm cách lợi dụng các đảng phái chính trị để chia phần quyền lực trong hội đồng nhà nước. Và hôm nay, có rất nhiều nhân vật người Chăm nắm nhiều vai trò quan trọng trong cơ cấu tổ chức quốc gia Kampuchia, như phó thủ tướng, bộ trưởng, thứ trưởng, chưa kể đến các ghế hạ nghị viện và thượng nghị viện.

Mặc dù có nhiều quyền lực trong tay, nhưng các nhà lãnh đạo Chăm không tìm ra giải pháp để tạo thành một lực lượng chính trị chung nhằm triển khai những dự án kinh tế, xã hội và giáo dục hầu đưa người Chăm thoát ra khỏi nạn nghèo đói và mù chữ. Dường như các nhà lãnh đạo người Chăm chia ra thành nhóm nhỏ để phục vụ trong nhiều đảng phái chính trị khác nhau. Sự phân tán này là nguyên nhân chính yếu để giải thích tại sao cộng đồng Chăm Kampuchia vẫn là một cộng đồng không có một tổ chức chung, một nhà lãnh đạo chung.

Trong ngày hội thảo này, có sự hiện diện của ông Ismail Yosoff gốc người Chăm giữ chức Thứ Trưởng, cố vấn cho Thủ Tướng Kampuchia. Ismail Yosoff đưa ra nhiều dữ kiện để chứng minh tại sao có “Sự hiện diện của người Chăm trên bàn cờ chính trị tại Kampuchia”. Theo ông Ismail Yosoff, vương quốc Kampuchia có một chính sách rất là đặc biệt đối với người Chăm. Đứng trên phương diện chính trị

mà nói, chính quyền Kampuchia không xem người Chăm là dân tộc thù hằn, mà là dân tộc anh em. Nhà Nước Kampuchia luôn luôn tôn trọng quyền sở hữu đất đai của họ, quyền tín ngưỡng của họ, quyền tổ chức gia đình và xã hội theo truyền thống văn hóa của họ, quyền lập đảng phái chính trị, lập đài phát thanh tiếng Chăm và nhất là quyền nhận viện trợ từ nước ngoài để phát triển chương trình kinh tế, xã hội, giáo dục và tôn giáo của họ. Đó là dữ kiện lịch sử đã chứng minh tại sao có sự hiện diện của nhiều nhân vật người Chăm trong hội đồng chính phủ ở Kampuchia.

- Sự vùng dậy của Fulro

Cùng chung một biên giới với Kampuchia, nhưng sự liên hệ giữa chính quyền Việt Nam và dân tộc Champa hoàn toàn khác biệt. Đó là đề tài mà P. Gs. Po Dharma muốn trình bày trong bài tiểu luận “Sự xung đột giữa dân tộc Champa ở miền nam Đông Dương và chính quyền Việt Nam từ năm 1954 đến năm 2004”. Theo P. Gs. Po Dharma, bài tiểu luận này chỉ là phần tóm tắt tác phẩm của ông ta mang tựa đề : *Du FLM au FULRO. Une lutte des minorités du sud indochinois* (Từ mặt trận FLM đến mặt trận FULRO. Sự đấu tranh của dân tộc thiểu số ở miền nam Đông Dương) do nhà xuất bản Les Indes Savantes và CHCPI ấn hành tại Paris (sẽ ra mắt vào đầu năm 2006).

Trong bài tiểu luận này, Po Dharma giải thích nguyên nhân của sự hình thành ở miền nam Đông Dương một mặt trận mang tên là FULRO (Front Unifié de Lutte des Races Opprimées), tức là Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Của Các Dân Tộc Bị Áp Bức. Theo Po Dharma, sự vùng dậy của Fulro vào năm 1964 phát sinh từ yếu tố lịch sử hơn là từ bản chất hiểm thù dân tộc của người Tây Nguyên hay người Chăm mà nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam thường đưa ra.

Hoàn toàn ngược hẳn với người Chăm ở Kampuchia, dân tộc Champa ở miền trung Việt Nam nhận diện rất rõ rệt

về ý thức hệ dân tộc của mình. Anh em Tây Nguyên nói chung và người Chăm nói riêng tự nhận họ là một dân tộc có nguồn gốc lịch sử riêng, nền văn minh riêng, là thân dân của một vương quốc Champa nằm ở miền trung Việt Nam đã bị Đại Việt chiếm đóng trong quá trình lịch sử Nam Tiến của dân tộc Việt.

Sau ngày sụp đổ vương quốc Champa vào năm 1832, triều đình nhà Nguyễn thừa nhận rằng họ là dân tộc vong quốc đang sinh sống trên một lãnh thổ riêng biệt thu hẹp lại ở hai khu vực đó là lãnh thổ Tây Nguyên và vùng Phan Rang-Phan Rí. Để bảo tồn sự sống còn của họ, nhà Nguyễn ban cho dân tộc Champa còn sót lại một quy chế đặc biệt đó là :

1. Quyền làm chủ đất đai riêng tư của họ.
2. Quyền quản lý lãnh thổ nơi có địa bàn dân cư của họ, có nghĩa là không ai có quyền xâm nhập vào khu vực của họ mà không có sự đồng ý của họ.
3. Quyền được sống theo phong tục tập quán và tín ngưỡng cổ truyền của họ.

Ba quyền cơ bản này đã cấu thành một yếu tố lịch sử kể từ năm 1832. Chúng tôi tin rằng triều đình Việt Nam thời đó đã hiểu rõ trọng tâm của 3 quyền cơ bản này và đưa ra nhận định rằng mọi chính sách đi ngược lại với 3 quyền cơ bản đó chỉ đưa đẩy dân tộc này vào con đường vùng dậy. Nhưng sự vùng dậy của họ không phải để đòi lại đất nước Champa, mà là để bảo tồn cho sự sống còn của họ. Đây là quy chế chính trị mà nhân dân Champa đã ghi sâu trong tiềm thức của họ ngay từ thuở sinh ra khỏi lòng mẹ.

Dưới thời Pháp thuộc, chính quyền Pháp ở Đông Dương tiếp tục áp dụng quy chế đặc biệt này. Khu vực Tây Nguyên cấu thành Xứ Người Thượng Miền Nam Đông Dương (Pays Montagnard du Sud Indochinois-PMSI) sau này thành Hoàng Triều Cương Thổ đặt dưới quyền cai trị của chính quyền Pháp Thuộc. Đây là khu vực tự trị. Không có một

người Việt nào lên sinh sống trên Tây Nguyên mà không có sự đồng ý của chính quyền Pháp.

Cùng trong thời điểm đó, khu vực người Chăm Phan Rang và Phan Rí cũng cấu thành một khu vực hành chính đặc biệt, đặt dưới quyền cai trị của Pháp thuộc. Khu vực này có biên giới riêng biệt tập trung các thôn xóm Chăm vào hai huyện Chăm do người Chăm lãnh đạo, đó là huyện Phan Lý Chàm và Huyện An Phước. Hai huyện này có đất đai riêng và kiểm soát cả khu vực núi rừng ở miền tây Phan Rang và Phan Rí.

Theo Po Dharma, quy chế đặc biệt dành cho dân tộc Champa từ năm 1832 cấu thành một chính sách cơ bản nhằm nâng cao sự liên hệ mật thiết giữa dân tộc Champa và triều đình Huế. Chính sách cơ bản này chỉ dựa vào một quy luật rất đơn sơ nhưng có hiệu nghiệm, đó là tôn trọng lẫn nhau. Nhân danh nhà nước Việt Nam, triều đình Huế luôn luôn công nhận 3 quyền cơ bản của dân tộc Champa mà Po Dharma vừa nêu ra ở phần trên. Nhân danh là thần dân của triều đình Huế và được hưởng quy chế đặc biệt của triều đình Huế, dân tộc Champa luôn luôn tuân phục nhà nước Việt Nam. Po Dharma gọi đó là một thế kỷ vàng son của dân tộc Champa sau ngày vong quốc. Vì trong suốt 122 năm, tức là từ năm 1832 đến năm 1954, không ai nói đến cuộc vùng dậy của dân tộc Champa chống lại nhà nước Việt Nam.

Năm 1954, Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền nam. Một nhà lãnh đạo luôn luôn hô hào khẩu hiệu chống thực dân và đế quốc, nhưng chính Ngô Đình Diệm là người áp dụng chính sách thực dân và đế quốc để thống trị dân tộc Champa đầu tiên trong lịch sử cận đại ở Việt Nam. Ngày 23 tháng 10 năm 1955, Ngô Đình Diệm quyết định xóa bỏ quy chế tự trị của Hoàng Triều Cương Thổ, xóa bỏ quyền làm chủ đất đai của dân tộc Champa, xóa bỏ tòa án phong tục, đưa hàng trăm ngàn người Việt di cư từ miền bắc sang lập nghiệp trên Tây Nguyên, làm xáo trộn hoàn toàn

địa bàn dân cư và truyền thống văn hóa của dân tộc thiểu số này. Thêm vào đó, chính quyền Sài Gòn còn áp dụng chính sách Việt Nam hóa vô cùng khắc khe đối với dân tộc Chăm và Tây Nguyên.

Một khi nhận diện rằng, nhà cầm quyền Việt Nam ở Sài Gòn không còn tôn trọng 3 quyền thiêng liêng của họ nữa, dân tộc Chăm và Tây Nguyên chỉ còn giải pháp cuối cùng đó là vùng dậy đấu tranh. Thế là từ năm 1954 đến 1975, sự liên hệ giữa dân tộc Champa và chính quyền Việt Nam đã bước vào một khúc quanh mới. Và sự khủng hoảng này hoàn toàn phát sinh từ hai ý thức hệ về chủ nhân đất đai và nguồn gốc dân tộc đối ngược nhau.

Đứng trên phương diện chính trị mà định nghĩa, chính quyền Sài Gòn là chủ nhân của lãnh thổ miền nam Việt Nam, có quyền cai trị nhân dân Việt Nam, dù họ là dân tộc Champa đi nữa, theo thể chế và luật lệ của quốc gia này. Ngược lại, dân tộc Champa có quan điểm hoàn toàn khác biệt trong tiềm thức của họ. Đối với dân tộc Champa, miền trung Việt Nam là đất đai của họ mà nhà nước Việt Nam đã xâm chiếm. Đây là một dữ kiện lịch sử không thể chối được. Nhưng không phải vì thế mà dân tộc Champa đang mơ ước cơ hội để đòi lại lãnh thổ này. Điều mà họ đang đấu tranh, không phải đòi lại lãnh thổ Champa bị chiếm đóng, nhưng đấu tranh để van xin chính quyền Sài Gòn ban cho họ quyền sở hữu đất đai do bàn tay và mồ hôi nước mắt của họ đã tạo lập ; quyền quản lý đất đai ở khu vực mà họ đang sinh sống (Phan Rang Phan Rí và trên Tây Nguyên) ; quyền làm chủ cơ cấu tổ chức văn hóa, xã hội, kinh tế và tín ngưỡng của họ. Họ đấu tranh để cầu nguyện chính phủ Sài Gòn phải chấm dứt chính sách thay đổi địa bàn dân cư của họ bằng cách đưa hàng triệu dân cư người Việt sang định cư trong khu vực của họ. Hay nói một cách khác, họ đấu tranh nhằm mong ước nhà nước Việt Nam công nhận 3 quyền cơ bản mà Po Dharma đã đưa ra ở phần trên.

Ngày 20 tháng 9 năm 1964 đánh dấu ngày ra đời của Fulro nhằm đòi quyền tự trị ở Tây Nguyên. Po Dharma tự

hỏi rằng có chăng sự vùng dậy của Fulro, lực lượng vũ trang từ năm 1964 đến năm 1975 chỉ là biểu tượng cho ý thức hệ đấu tranh nhằm đòi lại 3 quyền thiêng liêng này.

Sau ngày sụp đổ chính quyền Sài Gòn vào năm 1975, chính quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam quốc hữu hóa toàn diện đất đai của người Chăm và Tây Nguyên, phủ nhận mọi cơ cấu tổ chức làng xã theo truyền thống văn hóa và tín ngưỡng của họ, áp dụng chính sách di dân ồ ạt vào khu vực người Chăm và khu vực Tây Nguyên đã đưa địa bàn dân cư và văn hóa truyền thống của họ vào một khúc quanh mới.

Một khi không còn làm chủ đất đai của họ nữa, không còn làm chủ cơ cấu tổ chức cộng đồng theo truyền thống tín ngưỡng của họ nữa, và nhất là không còn quyền để nói lên bao sự bất công mà chính quyền địa phương dành cho họ, dân tộc Tây Nguyên chỉ còn giải pháp là vùng dậy đấu tranh.

Po Dharma tự đặt lại câu hỏi rằng có chăng biến cố Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 chỉ bắt nguồn từ bối cảnh chính trị và chính sách của nhà nước không phù hợp với nguyện vọng của dân tộc Tây Nguyên hơn là phát xuất từ sự xúi dục của nhóm Fulro ở hải ngoại mà một số cơ quan ngôn luận đã đăng tải tin tức này trên mặt báo chí. Vì ngày 20 tháng 4 năm 1975 đã đánh dấu sự sụp đổ của tổ chức FULRO. Thế thì đâu là tổ chức FULRO để nhúng tay vào cuộc vùng dậy vào năm 2001 và 2004 ở Tây Nguyên ?

Hội thảo Champa Kuala Lumpur 30-11-2005